

Hướng dẫn soạn Starter Unit Language focus 1 Tiếng Anh 6 Friends Plus, giải bài tập Language focus 1 Starter unit sách Tiếng Anh 6 Friends Plus.

Giải bài tập Tiếng Anh 6 Starter Unit Language focus 1

Thực hiện các yêu cầu của SGK khi [giải bài tập Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo](#) trang 7 về ngữ pháp.

Exercise 1

Complete the table with the words in the box. Then check your answers in the text on page 6 (*Hoàn thành bảng với các từ trong bảng. Sau đó kiểm tra đáp án ở trang 6*)

isn't aren't they he not



Affirmative	
I'm	from Oxford.
You're	twelve.
¹'s / She's / It's	into video games.
We're / You're / ²'re	
Negative	
I'm ³	interested in shopping.
You aren't	very good.
He / She / It ⁴	into sport.
We / You / They ⁵	

Trả lời

- (1) He
- (2) They
- (3) not
- (4) isn't
- (5) aren't

Exercise 2

Write true sentences. Use affirmative and negative forms of the verb "be" (*Viết các câu đúng. Sử dụng dạng khẳng định và phủ định của động từ "be"*)

1. Zebras..... animals.
2. Oxford..... in Brazil.

3. My friends..... twelve.
4. The name of this book Friends Plus.
5. I..... interesting in video games.
6. I..... from Da Nang.

Trả lời

1. are

=> Zebras are animals.

2. isn't

=> Oxford isn't in Brazil.

3. are

=> My friends are twelve.

4. is

=> The name of this book is Friends Plus.

5. am

=> I am interesting in video games.

6. am

=> I am from Da Nang.

Dịch

1. Ngựa vằn là động vật.
2. Oxford không phải ở Brazil.
3. Những người bạn của tớ 12 tuổi
4. Tên của quyển sách này là Friend Plus.
5. Tớ thích trò chơi điện tử
6. Tớ đến từ Đà Nẵng

Exercise 3

Complete the table with the words in blue in the text on page 6 (*Hoàn thành bảng sau với những từ màu xanh ở trang 6*)

Singular		Plural	
Subject pronoun	Possessive adjective	Subject pronoun	Possessive adjective
I	my	we	(4).....
you	(1).....	you	(5).....
he	(2).....		
she	(3).....	they	(6).....
it	its		

Trả lời

1. your
2. his
3. her
4. us
5. your
6. Their

Exercise 4

Replace the words in blue with subject pronouns (*Thay thế các từ màu xanh với các đại từ nhân xưng*)

Marc is from Paris. He is form Paris.

(Marc đến từ Paris. Anh ấy đến từ Paris.)

1. **This book** is good.
2. **Jen and Ed** are from the UK.
3. **Anya and I** are friends.
4. **You and Mick** are brothers.

Trả lời

1. It is good
- 2 They are from the UK
3. We are friends
4. You are brothers

Dịch

1. Nó thì tốt
2. Họ đến từ Anh
3. Chúng tớ là bạn
4. Các bạn là anh em

Exercise 5

Match the object pronouns in the box with the subject pronouns (*Nối các đại từ nhân xưng làm tân ngữ ở trong bảng với đại từ nhân xưng làm chủ ngữ*)

it me them us you him her you

I - me

you - (1).....

it - (2).....

he - (3).....

she - (4).....

we - (5).....

you - (6).....

they - (7).....

Trả lời

(1) you

(2) it

(3) him

(4) her

(5) us

(6) you

(7) them

Exercise 6

Circle the word that differs from the other three in the position of primary stress (
Khoanh tròn từ có trọng âm khác với các từ còn lại)

- | | | | |
|-----------------|--------------|---------------|--------------|
| 1 a. arrive | b. begin | c. answer | d. machine |
| 2 a. visit | b. enter | c. under | d. about |
| 3 a. along | b. papaya | c. across | d. into |
| 4 a. Brazil | b. Japan | c. China | d. Korea |
| 5 a. happen | b. final | c. living | d. alive |
| 6 a. alarm | b. college | c. mistake | d. cartoon |
| 7 a. again | b. above | c. really | d. alive |
| 8 a. computer | b. beautiful | c. continuous | d. deliver |
| 9 a. Vietnamese | b. Japanese | c. Cambodia | d. Indonesia |

Trả lời

1. c

2. d

3. d

4. c

5. c

6. b

7. c

8. b

9. c

Exercise 7 - Use it!

Work in pairs. Talk about you and your interests. Use ideas from exercise 1, page 6. Then change pairs and say something about your first partner. (*Sử dụng các từ, làm việc theo cặp. Nói về sở bạn và sở thích của bạn. Sử dụng các ý tưởng từ bài 1 trang 6. Sau đó thay đổi các cặp và nói về bạn cặp đầu tiên của bạn*)

Gợi ý

- I am eleven. I am into swimming with my brother. I am not very good at playing video games.

(Tớ 11 tuổi. Tớ thích bơi cùng với anh trai của mình. Tớ không giỏi chơi trò chơi điện tử)

=> Hoa is eleven. She is into swimming with her brother. She is not good at playing video games.

(Hoa 11 tuổi. Hoa thích bơi lội cùng với anh trai cô ấy. Cô ấy không thích chơi trò chơi điện tử.)

- I'm twelve. I'm interested in cooking with my mother. I'm quite good at sport.

(Tôi 12 tuổi. Tôi thích nấu ăn với mẹ. Tôi khá giỏi về thể thao.)

=> Mai is twelve. She's interested in cooking with her mother. She's quite good at sport.

(Mai 12 tuổi. Mai thích nấu ăn với mẹ. Mai khá giỏi về thể thao.)

- I'm eleven. My favourite activity is reading. I don't like video games. I'm not good at shopping.

(Hoạt động yêu thích của tôi là đọc. Tôi không thích video games. Tôi không giỏi mua sắm.)

=> Minh is eleven. My favourite activity is reading. I don't like video games. I'm not good at shopping.

(Minh 12 tuổi. Hoạt động yêu thích của bạn ấy là đọc. Bạn ấy không thích video games. Bạn ấy không giỏi mua sắm.)

-/-

Giải bài tập Tiếng Anh 6 Starter unit Language focus 1 sách Chân trời sáng tạo do Đọc tài liệu tổng hợp, hi vọng sẽ giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 6 thật thú vị và dễ dàng.